

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2019

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH B

- Với thành phần HĐXX xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn H

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Th.

2/ Ông Hồ Xuân D.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình D – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng L – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 200/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Trần Trọng Ngh, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện Ph, tỉnh B, có yêu cầu xét xử vắng mặt;

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh B, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng anh Trần Trọng Ngh là nguyên đơn trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh Tr tìm hiểu 05 tháng, sau đó tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2012 theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Ph, tỉnh B. Vợ chồng sống tại Thôn V, xã C, huyện P, tỉnh B. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên kình cãi, xích mích. Gia đình hai*

bên đã hòa giải hàn gắn vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không có kết quả. Ngoài ra vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng không có con chung. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng, nên năm 2016 chị Trà bỏ về nhà cha mẹ vợ ở đến nay và không ai quan tâm đến nhau. Anh yêu cầu ly hôn với chị Tr.

Anh và chị Tr không có con chung

Tài sản chung chung, quyền lợi và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh với chị Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/6/2019, chị Nguyễn Thị Thanh Tr là bị đơn trình bày:* Chị và anh Trần Trọng Ngh tìm hiểu một thời gian, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Ph năm 2012. Vợ chồng ở chung với cha mẹ chồng tại Thôn V, xã C, huyện Ph, tỉnh B. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên kình cãi, xích mích nhau. Mặc dù vợ chồng đã tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Ngoài ra, vợ chồng chung sống từ năm 2012 nhưng không có con chung từ đó tình cảm vợ chồng ngày một nhạt phai. Năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng ngày một gay gắt, chị đã về nhà cha mẹ ruột tại Th, Nh, A ở đến nay và từ đó không ai quan tâm đến nhau. Chị còn thương anh Nghĩ nên yêu cầu đoàn tụ.

Chị thống nhất lời khai của anh Ngh về quan hệ con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, quyền lợi và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị với anh Ngh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán trong quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ các trình tự tố tụng đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Trọng Ngh; anh Ngh và chị Tr không có con chung; không xem xét việc phân chia tài sản chung giữa anh Ngh và chị Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Trọng Ngh và chị Nguyễn Thị Thanh Tr đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Yêu cầu của anh Ngh, chị Tr là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh Ngh, chị Tr.

[2] Anh Trần Trọng Ngh và chị Nguyễn Thị Thanh Tr thừa nhận sau một thời gian tìm hiểu, hai anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã C, huyện Ph cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/7/2012. Việc kết hôn giữa anh Ngh và chị Tr đảm bảo về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân giữa anh Ngh và chị Tr là hợp pháp.

[3] Chị Nguyễn Thị Thanh Tr xác định vợ chồng ly thân từ năm 2016, nhưng vẫn còn tình cảm với anh Ngh nên yêu cầu đoàn tụ. Xét thấy: Sau khi kết hôn, anh Ngh và chị Tr chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên kình cãi, xích mích nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày một gay gắt khi chung sống với nhau đã 04 năm mà không có con chung, nên năm 2016 chị Tr quyết định về nhà cha mẹ ruột tại A, B ở đến nay. Mặc khác, trong một thời gian dài giữa anh Ngh và chị Tr không hề quan tâm, chia sẻ công việc trong gia đình, mạnh ai nấy sống. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia “Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Như vậy có thể thấy rằng giữa anh Ngh và chị Tr không còn tình nghĩa vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ngh là phù hợp.

[4] Anh Trần Trọng Ngh và chị Nguyễn Thị Thanh Tr không có con chung.

[5] Anh Trần Trọng Ngh và chị Nguyễn Thị Thanh Tr thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, quyền lợi và nghĩa vụ dân sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Yêu cầu của anh Nghĩa, chị Trà là phù hợp với Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, nên HĐXX không giải quyết.

[6] Theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Trần Trọng Ngh phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trọng Ngh. Anh Trần Trọng Ngh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh Tr.

2. Anh Trần Trọng Ngh và chị Nguyễn Thị Thanh Tr không có con chung.

3. Về tài sản chung: Anh Trần Trọng Ngh và chị Nguyễn Thị Thanh Tr không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Trần Trọng Ngh phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004662 ngày 26/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh B.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã C;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Văn H